



# BẢN TIN THÀNH TỰU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

## BẢN TIN THÁNG 6/2016

*(Phục vụ cung cấp thông tin trọn gói)*

CƠ QUAN BIÊN SOẠN VÀ PHÁT HÀNH:

**TRUNG TÂM THÔNG TIN KH&CN  
TP.HCM**

Mọi chi tiết xin liên hệ

**Phòng Cung cấp Thông tin**

Địa chỉ: 79 Trương Định (lầu 1), Phường Bến  
Thành, Quận 1, TP. HCM

ĐT: 08. 3824 3826

08. 3829 7040 (102, 202,203)

Fax: 08. 3829 1957

E-mail: [dichvutrongoi@cesti.gov.vn](mailto:dichvutrongoi@cesti.gov.vn)

### **A.THÔNG TIN THÀNH TỰU**

- Sử dụng hệ thống định vị trong điều trị một số bệnh tai mũi họng
- Trích ly năm dược liệu sản xuất thực phẩm chức năng
- Chiết xuất hoạt chất sinh học năm bằng sóng siêu âm
- Dùng công nghệ đột biến phóng xạ tăng năng suất chất lượng hoa cúc
- Khai thác và phát triển nguồn gen các giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa
- Nghiên cứu xây dựng qui trình chẩn đoán virus gây bệnh lùn sọc đen ở Việt Nam bằng kỹ thuật sinh học phân tử
- Nghiên cứu sản xuất tinh trâu đông lạnh cọng rạ phục vụ công tác cải tạo giống trâu Việt Nam
- Nghiên cứu công nghệ sản xuất keratinase ứng dụng trong chế biến lông vũ làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi

- Phú Thọ nghiên cứu, sản xuất thành công giống cá bống quý hiếm

- Nông dân Việt sáng chế bơm vô ống phục vụ thủy lợi

## **B.THÔNG TIN SÁNG CHẾ VIỆT NAM**

## **C.HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

**I. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh**

**1. Nghiệm thu đề tài**

**2. Giám định đề tài**

**3. Xét duyệt đề tài**

**II. Các đơn vị trong nước: Nghiệm thu đề tài/Dự án**

**III. Các nghiên cứu KH&CN về Quân sự**

## A.THÔNG TIN THÀNH TỰU

### ✚ Sử dụng hệ thống định vị trong điều trị một số bệnh tai mũi họng

Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến điều trị một số bệnh tai mũi họng” mã số KC10.40/11-15, do PGS.TS Võ Thanh Quang - Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương làm Chủ nhiệm vừa được nghiệm thu cấp nhà nước.



PGS.TS Võ Thanh Quang - Chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả thực hiện đề tài trước Hội đồng

Đề tài đã đạt những kết quả chính và có định hướng ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu. Theo đó, đề tài hướng đến mục tiêu xây dựng được báo cáo kết quả điều trị các bệnh lý viêm xoang trán sàng bướm bằng phẫu thuật nội soi (PTNS) có sử dụng IGS, bệnh u xoang sàng bướm bằng PTNS có sử dụng IGS, bệnh điếc bẩm sinh bằng phẫu thuật cấy điện cực ốc tai đa kênh, đa điện cực; xây dựng quy trình PTNS có sử dụng IGS trong điều trị bệnh lý viêm xoang trán sàng bướm; xây dựng quy trình PTNS có sử dụng IGS trong điều trị bệnh lý u xoang sàng bướm; xây dựng quy trình cấy điện cực ốc tai đa kênh, đa điện cực điều trị điếc bẩm sinh. Trên cơ sở mục tiêu đó, đề tài được chia thành 3 nhánh: nghiên cứu

ứng dụng PTNS mũi xoang có sử dụng hệ thống IGS trong điều trị viêm xoang trán sàng bướm; Nghiên cứu ứng dụng PTNS có sử dụng hệ thống IGS trong điều trị các bệnh lý u mũi xoang; Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật cấy điện cực ốc tai điều trị điếc bẩm sinh.

PGS.TS Võ Thanh Quang và nhóm nghiên cứu đã xây dựng được 6 quy trình kỹ thuật gồm: quy trình PTNS mũi xoang có định vị điều trị các bệnh lý viêm xoang trán, sàng, bướm; quy trình PTNS mũi xoang có định vị điều trị u nhú mũi xoang; quy trình PTNS mũi xoang có định vị điều trị u nhầy xoang trán, sàng, bướm; quy trình PTNS mũi xoang có định vị điều trị u xơ mạch vòm mũi họng; quy trình PTNS mũi xoang có định vị điều trị u ác tính mũi xoang; quy trình cấy điện cực ốc tai đa kênh, đa điện cực điều trị điếc bẩm sinh.

Về công bố khoa học, nhóm nghiên cứu đã thực hiện 6 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; đào tạo 2 ThS, 2 BSCCK II và 1 nghiên cứu sinh. Dự kiến, nhóm nghiên cứu sẽ đăng ký giải pháp hữu ích, đồng thời, sẽ chuyển giao quy trình PTNS có IGS điều trị viêm mũi xoang cho Bệnh viện đa khoa các tỉnh Thái Bình, tỉnh Gia Lai và Bệnh viện Quốc tế Hải Phòng; chuyển giao kỹ thuật PTNS có IGS điều trị u lành mũi xoang cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, Bệnh viện Quốc tế Hải Phòng; chuyển giao PTNS có IGS điều trị u ác mũi xoang cho Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng; chuyển giao quy trình phẫu thuật cấy điện cực ốc

tai đa kênh điều trị diếc bẩm sinh cho Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng.

Nguồn: [vista.gov.vn](http://vista.gov.vn), 13/06/2016

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **Trích ly nấm dược liệu sản xuất thực phẩm chức năng**

Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch đã nghiên cứu thành công 3 công nghệ sản xuất chế phẩm trích ly từ nấm Linh chi, nấm Đầu khi và nấm Hương ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng. Thành công này đã cho thấy tiềm năng về cơ hội, đầu tư và mở rộng sản xuất chế biến nấm dược liệu phù hợp điều kiện Việt Nam.

Đây là kết quả của đề tài “Nghiên cứu công nghệ, thiết bị trích ly một số hoạt chất sinh học từ nấm dược liệu và ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng”. Đề tài mang mã số KC07.09/11-15 thuộc Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước KC.0711/15 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sau thu hoạch”. Đề tài do TS. Nguyễn Đức Tiến – Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch làm chủ nhiệm, được nghiệm thu ngày 21/6 tại Hà Nội.

Đề tài nhằm thiết lập công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất một số chế phẩm trích ly từ 3 loại nấm lớn là Linh chi, Đầu khi, Nấm hương; sản xuất các chế phẩm nấm trích ly ứng dụng được trong chế biến thực phẩm và thực phẩm chức năng.

Chủ nhiệm đề tài, TS. Nguyễn Đức Tiến khẳng định, về mặt khoa học, đề tài đã đưa ra một số điểm mới như sử dụng nguyên liệu nấm Linh chi, nấm Hương và

nấm đầu khi sản xuất trong nước để trích ly hoạt chất sinh học cho chế biến thực phẩm chức năng; Xác định được quy trình công nghệ trích ly hoạt chất sinh học từ nấm Linh chi, nấm Đầu khi, và nấm Hương bằng sóng siêu âm và công nghệ thu nhận tạo chế phẩm cho chế biến thực phẩm.

Đây là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống trích ly hoạt chất sinh học từ nấm Linh chi, nấm Đầu khi và nấm Hương bằng sóng siêu âm, tạo chế phẩm nấm Linh chi trích ly, chế phẩm nấm hương trích ly, nấm Đầu khi trích ly ứng dụng cho chế biến một số sản phẩm thực phẩm chức năng. Ứng dụng sóng siêu âm trong trích ly hoạt chất sinh học từ nấm cho hiệu suất trích ly cao, tiết kiệm thời gian trích ly và năng lượng.

Sau thời gian nghiên cứu, đề tài đã đưa ra được 03 quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm nấm Linh chi trích ly từ nấm Linh chi, quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm nấm Đầu khi trích ly từ nấm Đầu khi và quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm nấm Hương trích ly từ nấm Hương.

Bên cạnh đó, đề tài đã ứng dụng các sản phẩm chế phẩm nấm Linh chi, nấm Hương nấm đầu khi trích ly trong sản xuất 8 sản phẩm thực phẩm chức năng, ứng dụng vào cơ sở sản xuất; đã thiết kế, chế tạo lắp đặt và vận hành được 01 hệ thống thiết bị trích ly bằng sóng siêu âm cho sản

xuất chế phẩm nấm trích ly; Kết hợp với 2 doanh nghiệp thực hiện xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm chế phẩm nấm Linh chi, nấm Hương và nấm Đầu khi trích ly ở quy mô 100 kg nguyên liệu/ mẻ, tạo ra được 50 kg chế phẩm nấm Linh chi trích ly, 50 kg chế phẩm nấm Hương trích ly và 50 kg chế phẩm nấm Đầu khi trích ly; ứng dụng chế phẩm nấm trích ly tạo ra cho sản xuất được 100000 túi trà Linh chi hòa túi lọc, 100000 túi trà Linh chi hòa tan, 1000 hộp cao Linh chi, 1000 hộp cao nấm hương, 100000 viên Linh chi, 100000 viên nấm Hương, 100000 viên chế phẩm nấm Đầu khi, sản phẩm của đề tài tạo ra cho thấy tiềm năng về cơ hội, đầu tư và mở rộng sản xuất chế biến nấm dược liệu là

phù hợp với chiến lược phát triển; Xây dựng được 14 tiêu chuẩn cơ sở...

Đặc biệt, sản phẩm của đề tài đã đạt 01 cúp vàng năm 2014 về sản phẩm, dịch vụ hàng đầu Việt Nam năm 2014 do Viện sở hữu Trí tuệ quốc tế tổ chức năm 2014 cho sản phẩm viên Linh chi và trà Linh chi của đề tài.

Từ những kết quả đạt được, nhóm nghiên cứu mong muốn sẽ được tiếp tục thực hiện dự án nghiên cứu sản xuất và ứng dụng chế phẩm nấm Linh chi, nấm Hương và nấm Đầu khi ở quy mô lớn trong giai đoạn tới.

*Theo truyenthongkhoaoc.vn,  
21/06/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **Chiết xuất hoạt chất sinh học nấm bằng sóng siêu âm**

Triển khai thành công công nghệ chiết xuất hoạt chất sinh học hiện đại nhất thế giới vào chế biến các loại nấm dược liệu quý.



Chủ nhiệm đề tài TS Nguyễn Đức Tiến đang giới thiệu sản phẩm được chiết xuất sinh học bằng công nghệ sóng siêu âm.

Sau 3 năm nghiên cứu, từ năm 2013 - 2015, nhóm các nhà khoa học do tiến sĩ

Nguyễn Đức Tiến thuộc Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch dẫn đầu đã nghiên cứu và triển khai thành công công nghệ chiết xuất hoạt chất sinh học hiện đại nhất thế giới là công nghệ trích ly sử dụng sóng siêu âm vào chế biến các loại nấm dược liệu quý của Việt Nam như là nấm Linh Chi, nấm Bờm sư tử (nấm đầu khi), nấm Đông cô (nấm hương).

So với các công nghệ chiết xuất hoạt chất truyền thống, công nghệ trích ly sử dụng sóng siêu âm có các ưu điểm đáng kể.

Đầu tiên và quan trọng nhất là công nghệ này cho phép chiết xuất các hoạt chất sinh học ở nhiệt độ thấp (thấp hơn 70 độ C). Chiết xuất ở nhiệt độ thấp cho phép

bảo tồn toàn vẹn hoạt tính sinh học của các hoạt chất sinh học tự nhiên, trong khi chiết xuất ở nhiệt độ cao có thể làm mất tới 70% hoạt tính của các hoạt chất này.

Thứ hai, công nghệ trích ly sử dụng sóng siêu âm làm tăng đáng kể tỷ lệ thu hồi hoạt chất sinh học, so với công nghệ chiết xuất truyền thống. Thời gian chiết xuất sử dụng công nghệ này cũng ngắn hơn từ 20 – 30 lần so với công nghệ chiết xuất truyền thống. Nhờ đó, công nghệ trích ly sử dụng sóng siêu âm giúp tiết kiệm năng lượng, thời gian sản xuất và làm giảm giá thành sản phẩm.

Các nhà khoa học tại Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch cũng đã tạo ra hơn 10 sản phẩm thực phẩm chức năng từ hoạt chất sinh học được trích ly sử dụng sóng siêu âm và đã kết hợp với một số doanh nghiệp chuyên sản xuất, phân phối thực phẩm chức năng đăng ký được 6 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe và phân phối tới người dùng.

Trong số đó, đặc biệt là dòng sản phẩm từ hoạt chất Linh chi trích ly với công dụng giải độc gan, ổn định huyết áp, hoạt huyết, chống mất ngủ, hỗ trợ hóa trị,

xạ trị trong điều trị ung thư và giúp ngăn ngừa nguy cơ ung thư. Bên cạnh đó, dòng sản phẩm sử dụng hoạt chất trích ly từ nấm Bò mả sư tử (nấm đầu khi) với tác dụng hỗ trợ điều trị và ngăn ngừa viêm loét dạ dày, tá tràng, đại tràng cũng đã được thử nghiệm hết sức thành công tại một số bệnh viện, phòng khám ở Hà Nội và các tỉnh lân cận. Qua thực tế sử dụng, các sản phẩm này có chất lượng không thua kém các sản phẩm tương tự nhập khẩu từ các nước phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản với mức giá thành thấp hơn đáng kể.

Như vậy, Việt Nam đã bắt kịp được trình độ thế giới trong lĩnh vực chiết xuất hoạt chất sinh học và chính thức lọt vào trong số ít các quốc gia, bên cạnh Nhật Bản và Hàn Quốc, đã triển khai sản xuất các sản phẩm thương mại từ hoạt chất sinh học được trích ly từ nấm dược liệu. Đây là một thành tựu đáng kể của các nhà khoa học Việt Nam, khi mà hiện nay nước ta vẫn phải nhập hơn 90% lượng hoạt chất sinh học cần thiết để sản xuất dược phẩm.

*Theo vietq.vn, 21/06/2016*

[\*Trở về đầu trang\*](#)

\*\*\*\*\*

## **✚ Dùng công nghệ đột biến phóng xạ tăng năng suất chất lượng hoa cúc**

Những năm gần đây, ứng dụng phương pháp chiếu xạ để chọn tạo giống mới là một trong những bước tiến của ngành nông nghiệp. Bằng phương pháp này, các nhà khoa học của Viện Di truyền Nông nghiệp VN đã tạo màu đa dạng cho hoa cúc và sản xuất giống hàng loạt trên cơ sở một số giống nhập nội. Đặc biệt, đây là

những giống cúc sạch bệnh, có thể trồng quanh năm, tạo điều kiện cho nông dân kéo dài các vụ hoa, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Th.S Khuất Hữu Trung, Phòng Kỹ thuật Di truyền, Viện Di truyền Nông nghiệp, cho biết, ở Việt Nam hiện nay nguồn tia gamma là nguồn phóng xạ chủ yếu được sử dụng trong chọn tạo giống

cây trồng bằng phương pháp gây đột biến. Phương pháp sử dụng hóa chất ngày nay bị hạn chế vì độc hại, và có nguy cơ gây ung thư cao.



Chọn tạo giống hoa cúc mới bằng đột biến phóng xạ.

Để tạo ra các giống cây đột biến bằng công nghệ này, tùy theo từng đối tượng cây trồng người ta có thể chiếu xạ trực tiếp các bộ phận của cây như mầm, chồi, hạt phấn, nhụy, hạt giống hay toàn bộ cây ở những giai đoạn khác nhau hoặc, sử dụng các mẫu mô lá, mô thân, mô rễ, mô nụ, hoa... để nuôi cấy, tạo những callus (những khối mô bất định), sau đó chiếu tia xạ vào những callus này.

Tùy vào liều lượng và thời gian, chiếu xạ sẽ tạo ra những đứt gãy nhiễm thể hoặc những thay đổi về cấu trúc gene. Những mẫu sau khi chiếu xạ có thể được gieo trồng trực tiếp hoặc được mang về phòng thí nghiệm để nhân lên và tái sinh cây. Qua đánh giá, lai tạo, chọn lọc nhiều thế hệ ngoài đồng ruộng những dòng, giống ưu việt sẽ được nhân lên để sản xuất đại trà.

Chọn giống cây trồng đột biến bằng phương pháp chiếu xạ là một ứng dụng

của kỹ thuật hạt nhân trong nông nghiệp, đã được sử dụng rộng rãi trong việc cải tạo, chọn tạo nâng cao chất lượng các giống cây trồng trên thế giới. Ở Nhật Bản, bằng cách chiếu xạ tia gamma và ion beam, người ta đã chọn tạo được nhiều giống hoa với những màu sắc đa dạng, hạn chế được sâu bệnh. Tuy nhiên tại VN, công nghệ này vẫn chưa được phổ biến nhiều.

Ngoài giống cúc, hiện nay bằng công nghệ chiếu xạ tạo đột biến, các nhà khoa học của viện Di truyền Nông nghiệp đang nghiên cứu để tạo ra những giống hoa đột biến như hoa loa kèn bên ngày hơn, hoa hồng nhiều màu sắc, các loại hoa lan ra nở đúng vào dịp Tết...và các giống cây như bông vải, khoai tây, khoai lang, đậu tằm, chuối, các cây dược liệu có hàm lượng tinh dầu và hoạt chất sinh học cao. Các loại cây ăn quả như cam, quýt, nhãn, vải không hạt...

Theo đánh giá của các nhà khoa học, so với phương pháp tạo giống cây trồng mới bằng biến đổi gene đang gây nhiều tranh cãi thì tạo giống cây mới bằng đột biến phóng xạ được đánh giá là phương pháp có tiềm năng, an toàn. Do vậy, thời gian tới, việc chọn tạo giống cây trồng mới bằng công nghệ chiếu xạ sẽ là giải pháp nhanh, hiệu quả đối với ngành nông nghiệp.

*Theo vietq.vn, 15/06/2016*

[\*Trở về đầu trang\*](#)

\*\*\*\*\*



## Khai thác và phát triển nguồn gen các giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa

Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu về các sản phẩm may mặc cũng như nhu cầu về nguyên liệu của ngành Dệt may nước ta ngày càng lớn. Việc phát triển cây nguyên liệu khác ngoài cây bông nhằm bổ sung cơ cấu nguyên liệu cho ngành Dệt may là rất cần thiết, góp phần giảm dần việc nhập khẩu xơ, tiết kiệm ngoại tệ và chủ động sản xuất, tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao. Từ đó, bảo đảm ngành Dệt may phát triển bền vững và đa dạng hóa sản phẩm. Tuy nhiên, bông - cây trồng lấy sợi chính ở Việt Nam - mới chỉ đáp ứng được một tỉ lệ rất nhỏ nhu cầu xơ của ngành Dệt may, phần lớn nguyên liệu cho ngành may mặc hiện nay vẫn phải nhập khẩu. Trước thực trạng đó, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã triển khai hàng loạt dự án sản xuất nguyên liệu cho ngành Dệt may nhằm giảm dần sản lượng xơ bông nhập khẩu. Một trong những cây nguyên liệu có tiềm năng phát triển là cây gai xanh. Đây là loại cây trồng lấy sợi có chất lượng tốt, có nhiều đặc điểm quý, được chính phủ chú trọng và quan tâm phát triển.



Gai xanh (*Boehmeria nivea* L. Gaudich) là một trong những cây lấy sợi từ vỏ rất có giá trị vì sợi gai có nhiều đặc tính quý và do đó có nhiều công dụng quan trọng. Vải dệt từ xơ gai có đặc tính dễ nhuộm, có khả năng kháng khuẩn, nấm mốc, chống thối rữa, bền với ánh sáng, có khả năng chống bám bẩn tự nhiên, thấm hút nước tốt, chịu được nhiệt độ cao của nước khi giặt... Nổi bật trong các giống đó là hai giống gai xanh có nguồn gốc từ Phú Yên (PY1) và Thanh Hóa (TH2). Đây là hai giống gai xanh bản địa, có năng suất cao, chất lượng tốt. Tuy nhiên, việc nghiên cứu cây gai để lấy sợi ở Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn bước đầu. Do vậy, nghiên cứu đồng bộ các biện pháp kỹ thuật nhằm khai thác và phát triển cây gai xanh ở Việt Nam theo hướng hàng hóa là rất cần thiết. Xuất phát từ thực tế trên, Thạc sĩ Trần Đức Hảo thuộc Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ đã chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen “Khai thác và phát triển nguồn gen các giống gai xanh (*Boehmeria nivea* L. Gaudich) Phú Yên và Thanh Hóa” nhằm phát triển được 2 giống gai xanh có nguồn gốc từ Phú Yên (PY1) và Thanh Hóa (TH2) có chất lượng tốt cùng với các quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc kèm theo để phục vụ sản xuất và phát triển kinh tế xã hội của vùng. Mục tiêu của nhiệm vụ bao gồm:

- *Mục tiêu tổng quát:* Khai thác và phát triển được hai giống gai xanh lấy sợi Phú Yên và Thanh Hóa.



*- Mục tiêu cụ thể:*

1. Xác định bổ sung một số đặc điểm nông sinh học, kinh tế và giá trị nguồn gen 02 giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa cần cho khai thác và phát triển.
2. Xây dựng được 02 quy trình phục tráng và nhân giống cho 2 giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa.
3. Xây dựng được 02 quy trình kỹ thuật canh tác và sơ chế sợi cho 2 giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng.
4. Xây dựng được mô hình vườn nhân và sản xuất giống, quy mô 1,0 ha/giống với số lượng cây tối thiểu 500.000 cây/giống cho 2 giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa.
5. Xây dựng được 01 mô hình trình diễn cho 2 giống gai xanh Phú Yên và Thanh Hóa (quy mô 4,5ha/ mô hình).

*Sau một thời gian áp dụng các quy trình nhân giống, các biện pháp kỹ thuật canh tác cũng như thực hiện các mô hình trình diễn 2 giống gai xanh PY1 và TH2 tại Phú Yên và Thanh Hóa, nhiệm vụ đã thu được một số kết quả nổi bật như sau:*

1. Đã đánh giá bổ sung được một số đặc điểm nông sinh học và kinh tế chính của 2 giống gai xanh Phú Yên (PY1) và Thanh Hóa (TH2). Xây dựng được bản mô tả đặc tính nông sinh học và kinh tế chính của 2 giống gai xanh PY1 và TH2.
2. Đã xây dựng và hoàn thiện được 06 quy trình, 09 chuyên đề khoa học, so

với hợp đồng và thuyết minh là đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm dạng II. Trong đó:

2.1. Xây dựng và hoàn thiện 02 quy trình nhân giống cho 2 giống gai xanh PY1 và TH2. Từ các kết quả nghiên cứu về kỹ thuật nhân giống gai xanh, cũng như kế thừa các kết quả nghiên cứu trên thế giới, đã xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở cây giống cho 2 giống gai xanh PY1 và TH2.

2.2. Xây dựng được quy trình phục tráng giống cho 2 giống gai PY1 và TH2.

2.3. Đã xác định được một số biện pháp để hoàn thiện được 02 quy trình kỹ thuật canh tác cho 2 giống gai xanh PY1 và TH2.

2.4. Hoàn thiện được quy trình sơ chế sợi cho 2 giống gai xanh PY1 và TH2.  
3. Đã triển khai được vườn cây đầu dòng, diện tích 0,1 ha/giống. Áp dụng quy trình nhân giống, đã nhân được hơn 500.000 cây giống/giống bằng phương pháp giâm cành, xây dựng được vườn sản xuất giống với quy mô 1 ha/giống.

4. Đã công bố 02 bài báo khoa học liên quan tới kết quả của nhiệm vụ trên tạp chí Khoa học công nghệ - Bộ Công Thương, đạt yêu cầu so với thuyết minh đề tài. Trong quá trình thực hiện, nhiệm vụ đã đào tạo được 01 thạc sĩ chuyên ngành khoa học cây trồng.

*Theo vista.gov.vn, 21/06/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **Nghiên cứu xây dựng quy trình chẩn đoán virus gây bệnh lùn sọc đen ở Việt Nam bằng kỹ thuật sinh học phân tử**

Năm 2105, PGS.TS. Phạm Xuân Hội cùng các cộng sự tại Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã Nghiên cứu và xây dựng thành công quy trình chuẩn đoán virus gây bệnh lùn sọc đen ở Việt Nam bằng kỹ thuật sinh học phân tử (đây là nghiên cứu nằm trong chương trình nghiên cứu trọng điểm và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020) với mục tiêu chính là hoàn thiện quy trình chẩn đoán, kết quả nghiên cứu đề tài đã xây dựng một quy trình chẩn đoán tối ưu phát hiện virus gây bệnh lùn sọc đen tại Việt Nam bằng phản ứng chuỗi trùng hợp (RT-PCR), đồng thời đưa ra các cơ sở khoa học cho việc xây dựng một quy trình chẩn đoán nhanh virus bằng kỹ thuật thử nghiệm miễn dịch liên kết men (ELISA) để nghiên cứu chuyên sâu về bản chất phân tử virus, từ đó dự báo cũng như có những biện pháp phòng chống hiệu quả, bảo vệ lúa cho người nông dân.

Các kết quả nghiên cứu của đề tài cũng đóng góp rất lớn cho các nghiên cứu hệ gene, đa dạng di truyền, phân loại, tiến hóa, cũng như tạo giống chống lại vi rút bằng công nghệ gen và là cơ sở dữ liệu quan trọng để nghiên cứu tính độc, nguy cơ phát sinh chủng mới phục vụ công tác dự tính, dự báo đảm bảo tính bền vững cho ngành Nông nghiệp của Việt Nam nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung.

*Qua ba năm nghiên cứu, các kết quả đạt được như sau:*

Đã thu thập và bảo quản mẫu bệnh được 251 mẫu bệnh ở các vùng trồng lúa khác nhau gồm: các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ (Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình,...); Hà Nội và các tỉnh lân cận (Hải Dương, Bắc Ninh,..); các tỉ hình thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc (Lào Cai, Sơn La; Điện Biên,...); các tỉnh Bắc Trung Bộ (Thanh hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,...) và các tỉnh thuộc Duyên hải miền Trung (Huế, Đà Nẵng,...).

Xét nghiệm mẫu bệnh và phân lập thành công hệ gen của 13 phân đoạn S7, S9 và S10 của 13 chủng vi rút lùn sọc đen phương Nam (RNA sợi đôi) (SRBSDV) từ các mẫu bệnh ở các vùng sinh thái khác nhau. Trình tự đầy đủ các phân đoạn đã được nhân bản bằng phản ứng RT-PCR với cặp mồi đặc hiệu đã thiết kế, dòng hóa vào vector nhân dòng và biến nạp vào tế bào E.Coli.

Giải trình được đầy đủ ba phân đoạn S7, S9 và S10 của 13 chủng vi rút SRBSDV đại diện cho 5 vùng trồng lúa khác nhau của Việt Nam. Các phân đoạn S7, S9 và S10 có độ dài lần lượt là 2176 bp, 1891 bp và 1798 bp tương tự với độ dài đầy đủ của các phân đoạn đã được công bố trên ngân hàng gen thế giới. Kết quả từ phân tích và so sánh trình tự nucleotide cho thấy các chủng vi rút Việt Nam có mức độ tương đồng nucleotide đạt 98-99% so với các chủng vi rút của Trung Quốc, chứng tỏ các vi rút này đều xuất phát từ một quần thể vi rút duy nhất trong cùng khu vực địa lý, tại cùng một thời

điểm và bắt đầu có xu hướng phân ly để hình thành nhóm mới.

Thiết kế thành công được hai cặp mồi cho phép nhân bản đặc hiệu một đoạn trình tự bảo thủ dài 446 Nu trên phân đoạn S10 để dùng cho xét nghiệm chẩn đoán vi rút SRBSDV bằng RT-PCR. Cặp mồi có mức tương đồng 100% với trình tự nucleotide của các chủng vi rút SRBSDV ở Việt Nam và không tương đồng với trình tự S10 của SRBSDV. Tối ưu được các yếu tố và điều kiện cho phản ứng RT-PCR chuẩn đoán vi rút SRBSDV Việt Nam.

Thử nghiệm thành công quy trình chẩn đoán vi rút SRBSDV Việt Nam bằng RT-PCR. Quy trình thử nghiệm trên 192 mẫu cho kết quả chính xác 100% với các cây lúa đã biểu hiện triệu chứng bệnh. Ngoài ra quy trình xét nghiệm còn có thể phát hiện sự có mặt của virút trong những cây lúa chưa biểu hiện rõ triệu chứng bệnh.

Lây nhiễm nhân tạo thành công vi rút SRBSDV Việt Nam bằng phương pháp sử dụng rây lưng trắng làm trung gian. Cây lúa bị lây nhiễm nhân tạo có đầy đủ các biểu hiện đặc trưng của bệnh lúa lùn sọc đen và cho kết quả dương tính với xét nghiệm chẩn đoán bằng kỹ thuật RT-PCR.

Phân lập, tinh lọc thành công protein vỏ P10 của vi rút SRBSDV Việt Nam và hai giai đoạn peptide bảo thủ Pep1 và Pep2 tái tổ hợp có độ tinh sạch cao, liên kết đặc hiệu với kháng thể anti-his tag trong kỹ thuật lai thẩm tách miễn dịch.

Sản xuất thành công kháng thể đa dòng kháng protein P10 trên chuột bạch. Kháng thể đa dòng tinh sạch có hiệu giá cao, ở nồng độ pha loãng 1:5000 có thể

phát hiện được sự có mặt của vi rút trong dịch chiết cây pha loãng 1:200 bằng kỹ thuật ELISA.

Thử nghiệm thành công phương pháp hai loại xét nghiệm chẩn đoán vi rút SRBSDV bằng kỹ thuật ELISA, sử dụng hai loại kháng thể tinh khiết đã tạo được. Kháng thể tinh khiết có thể phát hiện chính xác sự có mặt của vi rút SRBSDV trong mẫu cây ngô, lúa, và mẫu rây nhiễm vi rút.

Chuyển giao được quy trình chẩn đoán bệnh lúa lùn sọc đen tại Việt Nam dựa trên kỹ thuật RT-PCR cho hai trung tâm bảo vệ thực vật và thực nghiệm chẩn đoán bệnh lúa lùn sọc đen thành công. Kết quả thử nghiệm trên 252 mẫu cây bệnh và 20 mẫu cây khỏe cho kết quả chính xác 100%.

Do quy trình chẩn đoán chính xác hiệu quả vi rút gây bệnh lúa lùn sọc đen tại Việt Nam dựa trên kỹ thuật RT-PCR này có giá thành cao, đòi hỏi phải có phòng thí nghiệm trang bị đầy đủ, cán bộ kỹ thuật có chuyên môn cao để thực hiện xét nghiệm, cho nên nhóm nghiên cứu tiến tới xây dựng một quy trình chuẩn đoán chính xác nhưng đơn giản, dễ thực hiện trên quy tắc kháng nguyên - kháng thể nhằm mang lại hiệu quả kinh tế và khả năng áp dụng thực tiễn cao.

Có thể nói, quy trình chẩn đoán bệnh cho lúa này có thể áp dụng làm quy trình chẩn đoán cho các cơ quan kiểm dịch thực vật, các Viện, Chi cục và Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ thực vật và các trường Đại học Nông nghiệp & Lâm nghiệp.

Việc phát hiện sớm, chính xác sự có mặt của vi rút sẽ là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp phòng trừ hiệu quả để

giảm thiểu sự mất mát lớn cho người nông dân. Và là cơ sở để nghiên cứu tính độc, nguy cơ phát sinh chủng mới phục vụ công

tác dự báo đảm bảo tính bền vững trong Nông nghiệp.

*Theo vista.gov.vn, 21/06/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*



## **Nghiên cứu sản xuất tinh trâu đông lạnh cọng rạ phục vụ công tác cải tạo giống trâu Việt Nam**

Trâu là loài động vật có vai trò quan trọng vì nó cung cấp sức kéo, sữa và thịt chất lượng cao cho con người, đồng thời, trâu còn cung cấp phân bón cho cây trồng và là một nguồn vốn tiết kiệm góp phần cải thiện cuộc sống của người dân. Việt Nam thuộc nhóm những quốc gia có số lượng trâu lớn trên thế giới, tuy nhiên, số lượng, khối lượng cũng như tầm vóc của đàn trâu đang ngày một suy giảm. Do đó, chăn nuôi trâu ở nước ta không đáp ứng đủ nhu cầu về sản phẩm thịt trâu và phải nhập khẩu nhiều tấn thịt trâu từ Ấn Độ, hay trâu sống từ Úc về mổ thịt nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thịt trâu trong nước.

Để góp phần tăng đàn và tăng năng suất, chất lượng sản phẩm vật nuôi, biện pháp kỹ thuật được áp dụng rộng rãi hiện nay là cải thiện khả năng sinh sản thông qua kỹ thuật TTNT. Việc sử dụng những con đực giống ưu tú sản xuất tinh đông lạnh để áp dụng phối giống TTNT cho đàn cái sẽ giúp tăng tốc độ cải tiến di truyền, góp phần thúc đẩy quá trình chọn giống vật nuôi nói chung và chọn giống trâu nói riêng một cách bền vững. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam chưa có tác giả hay công trình nào nghiên cứu sản xuất tinh trâu đông lạnh dạng cọng rạ một cách đầy đủ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của

nước ta để phục vụ công tác TTNT trâu ở các địa phương.

Do đó, đây được coi là cơ sở khoa học và thực tiễn để TS. Lê Bá Quý - Phó giám đốc Trung tâm gia súc lớn TW cùng các đồng nghiệp thực hiện đề tài: “Nghiên cứu sản xuất tinh trâu đông lạnh cọng rạ phục vụ công tác cải tạo giống trâu Việt Nam” với các mục tiêu:

*Mục tiêu chung:* Sản xuất được tinh trâu đông lạnh cọng rạ từ trâu Murrah và trâu nội (trâu Ngổ), góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi trâu ở Việt Nam.

*Mục tiêu cụ thể:*

- Tuyển chọn được 03 trâu đực giống nội (trâu Ngổ) và 02 trâu đực giống Murrah có chất lượng giống tốt để sản xuất tinh đông lạnh dạng cọng rạ phục vụ công tác cải tạo giống trâu Việt Nam.

- Xác định được công thức môi trường pha chế thích hợp và quy trình đông lạnh tinh dịch trâu bảo đảm bảo chất lượng tốt (Hoạt lực sau giải đông đạt  $\geq 40\%$ ).

- Sản xuất được 2.500 liều tinh trâu đông lạnh dạng cọng rạ có chất lượng cao của trâu đực giống nội và 2.500 liều tinh

trâu đông lạnh dạng cọng rạ của trâu đực giống Murrah.

- Tỷ lệ phối giống thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu cái địa phương bằng tinh trâu đông lạnh cọng rạ sản xuất trong nước đạt  $\geq 50\%$ .

*Theo đánh giá, đề tài đã hoàn thành 100% công việc theo đúng đề cương đã được phê duyệt với các kết quả đáng chú ý như sau:*

- Đã chọn lọc được 07 trâu đực giống nội (Ngố) đủ điều kiện sản xuất tinh đông lạnh dạng cọng rạ.

- Đã chọn lọc được 04 trâu đực giống Murrah đủ điều kiện sản xuất tinh đông lạnh dạng cọng rạ.

- Đã sản xuất được 5.000 liều tinh trâu đông lạnh dạng cọng rạ, trong đó bao gồm 2.500 liều tinh của trâu đực giống nội (Ngố) và 2.500 liều tinh của trâu đực giống Murrah, đảm bảo tiêu chuẩn  $V=0,25\text{ml/ cọng rạ}$ ,  $A \geq 40\%$ ,  $C \geq 25$  triệu/ cọng rạ đúng theo thuyết minh đề tài.

- Đã lựa chọn được công thức môi trường pha loãng tinh dịch để sản xuất tinh trâu đông lạnh dạng cọng rạ phù hợp với điều kiện Việt Nam, đảm bảo hoạt lực tinh trùng trâu sau giải đông đạt  $\geq 40\%$ .

- Đã xây dựng được 01 quy trình sản xuất tinh trâu đông lạnh dạng cọng rạ đảm bảo sản xuất được tinh trâu đông lạnh dạng cọng rạ có chất lượng tốt. Quy trình đề tài xây dựng đã được nghiệm thu.

- Đã hoàn thành 4 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

- Đã tham gia đào tạo 01 thạc sĩ và 01 tiến sĩ.

*Bên cạnh những kết quả thu được, đề tài cũng được đánh giá là có nhiều đóng góp đối với nhiều lĩnh vực, cụ thể:*

- Hiệu quả đối với lĩnh vực khoa học công nghệ:

+ Kết quả của đề tài là giúp bổ sung các dữ liệu khoa học về thời gian huấn luyện khai thác tinh dịch bằng âm đạo giả, tuổi bắt đầu khai thác tinh dịch, một số chỉ tiêu số lượng, chất lượng tinh dịch, khả năng sản xuất tinh đông lạnh, môi trường pha loãng tinh dịch, phương pháp đông lạnh tinh trùng phù hợp đối với trâu nội và trâu Murrah ở Việt Nam.

+ Đề tài góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học trong lĩnh vực sản xuất tinh đông lạnh của gia súc.

- Hiệu quả đối với lĩnh vực kinh tế xã hội: Việc sản xuất được tinh trâu Việt Nam đông lạnh dạng cọng rạ đạt chất lượng cao, phục vụ công tác TTNT trâu ở nước ta, góp phần cải tạo, nâng cao số lượng và chất lượng đàn trâu Việt Nam. Đồng thời, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội rất to lớn bởi sản phẩm tinh sản xuất trong nước có chất lượng giống, chất lượng tinh ngang tầm quốc tế song giá chỉ bằng 1/10 giá tinh nhập khẩu.

*Theo vista.gov.vn, 21/06/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **Nghiên cứu công nghệ sản xuất keratinase ứng dụng trong chế biến lông vũ làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi**

Xuất phát từ nhu cầu sản xuất bột lông vũ trên thị trường lớn, đặc biệt là bột lông vũ dễ tiêu hóa sử dụng trong chăn nuôi gia cầm, gia súc, năm 2015, TS Nguyễn Huy Hoàng đến từ Viện nghiên cứu gen, VAST cùng các đồng nghiệp đã tiến hành thực hiện đề tài: “Nghiên cứu công nghệ sản xuất keratinase ứng dụng trong chế biến lông vũ làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi” với các mục tiêu sau:

- *Mục tiêu tổng quát:*

Xây dựng quy trình sản xuất keratinase tái tổ hợp và ứng dụng để chế biến lông vũ làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi và giảm ô nhiễm môi trường.

- *Mục tiêu cụ thể:*

\* Tạo chủng vi sinh vật tái tổ hợp có khả năng thủy phân keratin;

\* Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất keratinase;

\* Ứng dụng keratinase trong xử lý thu hồi phế thải lông vũ tạo ra sản phẩm bột lông vũ bổ sung thức ăn trong chăn nuôi.

Lông vũ có lượng protein keratin thô rất cao (90-95%), nhưng phần lớn protein trong lông vũ không hòa tan trong nước. Mặc dù rất khó bị phân hủy, nhưng các chất thải keratin vẫn có thể bị phân hủy bởi các chủng vi khuẩn, xạ khuẩn và nấm có khả năng sinh tổng hợp keratinase. Các keratinase tham gia thủy phân các chất thải keratin từ lông vũ trong công nghiệp chăn nuôi gia cầm đã tạo ra các sản phẩm có giá trị như thức ăn chăn nuôi, phân bón, các

polymer và các amino acid hiếm gặp như serine, cysteine và proline. Đến nay, các keratinase được nghiên cứu chủ yếu có nguồn gốc từ vi khuẩn như: Bacillus, Chryseobacterium Pseudomonas,... Vì vậy, việc khai thác đa dạng vi sinh vật sẽ cung cấp sản phẩm keratinase phù hợp với từng ứng dụng cụ thể.

Hiện nay, nguồn lông vũ phế thải từ các trại chăn nuôi, các nơi giết mổ gia cầm đang được tận dụng để sản xuất bột lông vũ bằng quá trình xử lý vật lý và hóa học. Tuy nhiên, quá trình này tạo ra sản phẩm có chất lượng dinh dưỡng thấp, phá hủy một lượng amino acid nhất định, giảm khả năng tiêu hóa và chất lượng của protein. Mặt khác, chế biến lông vũ bằng các tác nhân hóa học làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường ở các cơ sở sản xuất. Sử dụng enzyme từ vi khuẩn có nhiều ưu điểm hơn, giá thành thấp hơn và thân thiện với môi trường hơn. Enzyme thủy phân lông vũ có nguồn gốc từ vi khuẩn đang là hướng nghiên cứu rất được quan tâm.

Ở Việt Nam hiện nay, ngành công nghiệp tái tạo nguồn phế thải làm phân bón và thức ăn cho gia súc vẫn còn non trẻ và đang trong giai đoạn tìm nguồn nguyên liệu cũng như định hướng để phát triển. Phương pháp được ứng dụng phổ biến hiện nay để xử lý phế thải lông vũ là sử dụng kiềm/ acid hoặc thủy phân. Tuy nhiên, phương pháp này còn nhiều hạn chế như: giá thành cao, hiệu suất thấp..., do vậy, việc ứng dụng enzyme từ vi khuẩn để xử lý phế thải có nhiều ưu điểm hơn như tạo sản

phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, giá thành thấp, mặt khác còn rất thân thiện với môi trường. Vì vậy, việc nghiên cứu enzyme từ vi khuẩn để thủy phân lông vũ vừa có ý nghĩa khoa học, vừa có ý nghĩa thực tiễn.

1. Sau một thời gian áp dụng những phương pháp nghiên cứu cơ bản, hiện đại, Đề tài đã đảm bảo đầy đủ về số lượng, khối lượng và chủng loại các sản phẩm theo đăng ký và đã đạt được nhiều kết quả đáng tin cậy, cụ thể như sau: Đã phân lập 50 chủng vi khuẩn, trong đó, có 13 chủng có khả năng thủy phân lông vũ mạnh từ 70-85%, 2 chủng không có hoạt tính, 21 chủng có khả năng thủy phân khoảng từ > 50%, còn lại 14 chủng có hoạt tính yếu dưới 50%. Tối ưu điều kiện nuôi cấy: nhiệt độ, pH, môi trường và đặc điểm sinh học của 5 chủng Đ.NĐ.1.2, L.TO.2.1, L.NĐ.3.4, HT10 và Đ.HY.1.1. Định danh 3 chủng đến loài là *B. subtilis* Đ.NĐ.1.2, *B. licheniformis* HT10 và *B. Megaterium* Đ.HY. 1.1.

2. Đã nhân, giải trình tự gen và chọn dòng gen keratinase (ker 1 và ker 2) từ 2 chủng *B. subtilis* Đ.NĐ.1.2, *B. licheniformis* HT10. Đã tạo được vector tái tổ hợp biểu hiện trong *E.coli* là pET22b+ker 1, biểu hiện trong *B. subtilis* 168M là pHT43 [Bspr.Ker2] và pHT43 [Pgrac.Ker1].

3. Đã tối ưu biểu hiện của chủng vi khuẩn *E.coli* BL21(DE) mang vector pET22b+ker1 sinh tổng hợp keratinase tái tổ hợp ở qui mô 3-5 L có hoạt lực là 60,5 U/ml.

4. Đã tối ưu biểu hiện chủng *B. subtilis* 168M [Pgrac.Ker1] sinh tổng hợp mạnh keratinase từ 8-24 giờ ở qui mô 3-5 L có hoạt lực đạt 1354,2 U/ml.

5. Đã tối ưu biểu hiện chủng *B. subtilis* 168M [Bspr.Ker2] sinh tổng hợp mạnh keratinase có hoạt tính keratinase đạt cực đại (1890 U/ml -789,1 U/mg) sau 24 giờ lên men ở qui mô 5-7 L.

6. Đã xác định được keratinase hoạt động mạnh nhất ở 60°C, pH 9. Các ion  $\text{Ca}^{2+}$ ,  $\text{Na}^+$ ,  $\text{Ba}^{2+}$ ,  $\text{Mg}^{2+}$ ,  $\text{Zn}^{2+}$  và glycerin làm tăng hoạt tính keratinase. Ngược lại, các ion kim loại  $\text{Cu}^{2+}$ ,  $\text{Hg}^{2+}$ ,  $\text{Fe}^{3+}$  và EDTA làm giảm hoạt tính enzyme.

7. Chế phẩm keratinase hòa trong đệm K-phosphate 0,5M và 10% glycerol đã tăng khả năng bảo quản tới 4 tháng ở nhiệt độ thấp 4°C đến -20°C là 98%. Ngoài ra chế phẩm keratinase hòa trong đệm 14% NaCl, 30% sucrose, 1% Na-benzonate, 1% K-sorbate và 10% glycerol cũng giữ được hoạt tính đến 70% sau 6 tháng.

8. Xây dựng được quy trình công nghệ thu nhận keratinase từ chủng *B. subtilis* 168M [Bspr.Ker2] ở qui mô 70L/mẻ, thời gian lên men 26 giờ, pH ổn định ở 7,0 - 7,2, sục khí 50L/phút, nhiệt độ lên men 37°C.

9. Xác định được điều kiện bảo quản keratinase tái tổ hợp. Dung dịch bảo quản keratinase hoạt tính 688,5 U/ml gồm có 20% glycerol và 5 mM  $\text{MgSO}_4$ . Enzyme giữ được hoạt tính 90% sau 3 tháng bảo quản.

10. Xây dựng được quy trình và thiết kế hệ thống sản xuất bột lông vũ qui mô 3-5 kg/mẻ và qui mô 100kg/mẻ với thời gian ủ enzyme là 12 - 16 giờ, thời gian thủy phân lông vũ ở 120°C, 1,2 atm; nhiệt độ sấy ở 60°C.

11. Đã xác định được tỉ lệ bột lông vũ bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gà, với tỉ lệ 6% bột lông vũ thủy phân trong khi chất lượng thịt đùi tương đương với các lô bổ sung 2% và 4% tỉ lệ bột lông vũ thủy phân.

12. Đã tính toán sơ bộ được giá thành 1kg bột lông vũ thủy phân bằng keratinase, giá thành sản phẩm của đề tài thấp hơn so với giá thành bột lông vũ thủy phân nhập ngoại.

*Bên cạnh những kết quả thu được, hiệu quả của dự án trong khoa học - công nghệ, kinh tế - xã hội cũng được đánh giá cao, cụ thể như sau:*

a) *Hiệu quả về khoa học và công nghệ:*

Việc ứng dụng kỹ tái tổ hợp đã góp phần tạo ra chủng tái tổ hợp sinh keratinase có hiệu suất cao hơn. Kết quả của nghiên cứu đã đưa ra được quy trình công nghệ sản xuất enzyme bằng phương

pháp hiện đại, tạo được chế phẩm bột lông vũ có bổ sung enzyme keratinase tái tổ hợp.

b) *Hiệu quả về kinh tế xã hội:*

Việc sản xuất bột lông vũ có thủy phân bằng keratinase đã tận dụng được nguồn phế thải lông vũ làm cơ chất nên có ý nghĩa trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời với công nghệ tái tổ hợp cũng tạo ra được chủng tái tổ hợp sinh keratinase có hiệu suất cao nên giá thành của sản phẩm bột lông vũ thấp hơn so với các sản phẩm tương đương nhập ngoại. Trong phạm vi của đề tài, sản phẩm bột lông vũ cũng được thử nghiệm bổ sung thức ăn chăn nuôi gà, kết quả thử nghiệm cho thấy hiệu quả kinh tế khi bổ sung 6% bột lông vũ thủy phân keratinase vào khẩu phần ăn cho gà.

*Theo vista.gov.vn, 01/06/2016*

[\*Trở về đầu trang\*](#)

\*\*\*\*\*

## **➤ Phú Thọ nghiên cứu, sản xuất thành công giống cá bống quý hiếm**

Đề tài "Ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá bống tại tỉnh Phú Thọ" do Chi cục Thủy sản Phú Thọ nghiên cứu triển khai thực hiện đã và đang đem lại hiệu quả cao trong việc nhân giống và phát triển loại giống cá này cho người dân nuôi theo hướng thương phẩm.



Thành công bước đầu của đề tài đã góp phần tái tạo nguồn gen quý, cũng như



bảo vệ được nguồn lợi cá quý tự nhiên đang có nguy cơ cạn kiệt.

Đề tài đã tiếp nhận thành công 3 quy trình công nghệ, gồm quy trình nuôi vỗ cá bống bố mẹ, quy trình sinh sản nhân tạo cá bống và quy trình ương nuôi cá bống. Dựa trên cơ sở đó, Chi cục Thủy sản Phú Thọ đã tổ chức nghiên cứu giống cá bống này ở 2 loại mô hình: Nuôi cá bống trong ao đất sử dụng thức ăn xanh kết hợp với thức ăn công nghiệp, đối chứng là sử dụng hoàn toàn thức ăn xanh và mô hình nuôi cá lồng sử dụng thức ăn xanh kết với thức ăn công nghiệp, đối chứng là sử dụng hoàn toàn thức ăn xanh.

Qua nghiệm thu đánh giá, nuôi cá bống trong ao đất sử dụng thức ăn xanh kết hợp với thức ăn công nghiệp, đối chứng là sử dụng hoàn toàn thức ăn xanh; mô hình nuôi cá lồng sử dụng thức ăn xanh kết hợp với thức ăn công nghiệp, đối chứng là sử dụng hoàn toàn thức ăn xanh. Kết quả đều đạt 100-142% so với mục tiêu đề tài.

Sau 2 năm thực hiện mô hình sản xuất giống cá bống: Tỷ lệ thành thực đạt trên 50%, tỷ lệ đẻ đạt hơn 73%, tỷ lệ thụ tinh đạt hơn 55%, tỷ lệ nở 62%, tỷ lệ ương từ bột lên hương đạt 51%...

Theo đánh giá thực tế, mô hình nuôi thương phẩm cá bống trong ao đất sử dụng thức ăn xanh kết hợp với thức ăn công nghiệp thu được lợi nhuận hơn 126 triệu đồng/ha. Mô hình nuôi thương phẩm cá bống trong lồng sử dụng thức ăn công

nghiệp kết hợp với thức ăn xanh thu được lợi nhuận 172 triệu đồng/lồng 100m<sup>3</sup> trong cùng một thời gian nuôi 20 tháng.

Ông Thiệu Minh Thế, xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy cho biết, được Chi cục Thủy sản Phú Thọ hỗ trợ 100% con giống (800 con/lồng) và 50% kinh phí làm lồng, hướng dẫn kỹ thuật nuôi ông đã mạnh dạn nuôi thí điểm 1 lồng. Sau 20 tháng nuôi, nuôi cá bống khỏe, nhanh lớn, bình quân trọng lượng đạt gần 2kg/con.

Nếu bán theo giá thị trường hiện nay từ 250.000 đến 300.000/kg thì cũng thu lãi cả trăm triệu đồng, cao hơn gấp 5 đến 6 lần so với các loại giống cá khác.

Nuôi cá bống thương phẩm trong lồng hiệu quả kinh tế cao hơn nuôi trong ao đất, 1 lồng nuôi có thể tích 100m<sup>3</sup> thu được lợi nhuận cao hơn khi nuôi trong ao đất có diện tích 1ha.

Đề tài cũng đã đào tạo được 7 kỹ thuật viên thành thạo mô hình và quan trọng là đã hoàn thiện được các quy trình sản xuất giống phù hợp với địa bàn tỉnh. Từ đó góp phần phục hồi nguồn lợi thủy sản bằng cách thả giống cá bống trở lại môi trường tự nhiên trên Sông Lô từ nguồn cá nhân tạo, đồng thời tiềm năng nuôi thương phẩm cá bống trên sông để nhân rộng mô hình có hiệu quả đem lại lợi nhuận cao cho người dân.

*Theo hagiang.gov.vn, 30/06/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **Nông dân Việt sáng chế bơm vô ống phục vụ thủy lợi**

Sau một thời gian nghiên cứu và thử nghiệm, nông dân hai lúa Đỗ Văn Trường (Ninh Bình) đã sáng chế thành công một chiếc máy bơm với đặc điểm không sử dụng ống, đó là sáng chế bơm vô ống.



Ông Đỗ Văn Trường - Chủ nhân của sáng chế bơm không dùng ống

Hiện nay, hệ thống trạm bơm, máy bơm nước thủy lợi phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp ở nước ta còn có nhiều hạn chế, chất lượng cấp thoát nước chưa chủ động và chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống. Bên cạnh đó, việc xây dựng không đồng bộ từ đầu mối đến kênh mương nội đồng cũng gây ra nhiều khó khăn cho việc cấp thoát nước ở các địa phương.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình làm nông ở thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, ông Trường nhận thấy rằng, ống bơm càng ngắn thì càng tiết kiệm năng lượng và lực nâng nước là do hệ thống cánh quạt quyết định chứ không phải do ống, từ đây anh đã nảy ra ý tưởng sáng chế ra một chiếc máy bơm không dùng ống.

Điểm mới làm nên sáng chế này đó chính là tác giả đã lắp đặt phần thân bơm ngay trên ống cống có sẵn của hệ thống

thủy nông, tạo nên một hệ thống bơm mà không cần ống.



Theo thiết kế, cánh bơm và guồng nước quay nhờ hệ thống truyền lực từ động cơ sang trục bơm bằng dây cua roa, khi bơm nước xong sẽ có bộ phận đập nắp kín và lúc này thân bơm có tác dụng như tấm ngăn nước.

Một ưu điểm nữa của Bơm vô ống đó là có thể bơm được hai chiều bằng cách đảo pha điện để thay đổi chiều quay của động cơ. Kết cấu này sẽ giúp cung cấp nước tưới tiêu vào mùa khô và xả nước chống ngập úng vào mùa mưa mà không phải xây thêm cửa hút, cửa xả, bể điều tiết nước, góp phần giảm thiểu chi phí lắp đặt.

Qua thực tế sử dụng, bơm vô ống đã chứng minh được tính năng cũng như hiệu

quả vượt trội so với những hệ thống bơm trước đây, với cùng một lượng nước được bơm, lượng điện tiêu hao của bơm vô ống chỉ bằng 1/3 đến 1/4 lần so với bơm trực đứng, trong khi đó chi phí lắp đặt chỉ bằng 1/4 so với việc xây lắp một trạm bơm, thoát nước như trước đây. Ngoài ra, Bơm vô ống còn có thể dễ dàng lắp đặt trong hợp tác xã nông nghiệp ở các máng cống lấy nước sẵn có và có thể sửa chữa, thay thế linh kiện đơn giản hơn rất nhiều khi xảy ra sự cố hay hỏng hóc.



Hệ thống truyền lực làm bơm hoạt động với công suất lớn 4000m<sup>3</sup>/h

Với tính năng vượt trội và giá thành hợp lý, Bơm vô ống của Anh Đỗ Văn Trường đã được một số hợp tác xã của tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình... lựa chọn ứng dụng trong nhiều năm qua, góp phần giải quyết hiệu quả việc chống úng và chống hạn cho các địa phương.

Bằng độc quyền sáng chế số 5607 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 17/4/2006, giải nhất cuộc thi sáng tạo Khoa học kỹ thuật tỉnh Ninh Bình năm 2005 và được

giới thiệu trên chương trình Sáng tạo Việt là những gì mà sáng chế Bơm vô ống cùng tác giả Đỗ Văn Trường đã được đạt trong thời gian qua bằng niềm đam mê khoa học và nỗ lực không mệt mỏi.

Trao đổi với Dân trí, ông Đỗ Văn Trường cho biết: “Từ ngày được cấp bằng sáng chế đến nay thì đã có hơn 200 trạm bơm đặt hàng. Công suất bơm được đặt hàng chủ yếu là 4.000m<sup>3</sup>/h. Tôi hy vọng trong thời gian tới, sáng chế bơm vô ống sẽ ngày càng được ứng dụng rộng rãi trên khắp cả nước, phục vụ đắc lực trong việc cấp thoát nước cho các vùng nông nghiệp nước ta”.

Nói về những khó khăn trong việc phát triển sản phẩm sáng chế của mình, nông dân Trường tâm sự: “Khó khăn lớn nhất vẫn là nguồn vốn. Trong thời gian sản xuất và cung ứng bơm cho thị trường, 50% hợp tác xã được huyện, tỉnh hỗ trợ vốn để mua bơm. Số bơm này được thanh toán ngay trong năm. 50% số bơm còn lại hợp tác xã phải tìm nguồn vốn khác như dân góp, hoặc trích khoản nợ khoản kia. Do đó, tiền thanh toán chậm, thường 3-4 năm mới thanh toán hết. Xưởng của tôi nhiều khi thiếu vốn để tái sản xuất, phải dừng lại không nhận thêm đơn hàng”.

*Theo Dân trí, 30/06/2016*

[\*Trở về đầu trang\*](#)

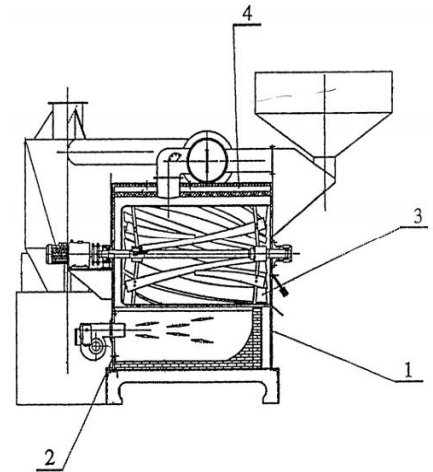
\*\*\*\*\*

## B.THÔNG TIN SÁNG CHẾ VIỆT NAM

### 1-0015319 Thiết bị rang cà phê

*Tác giả:* Trần Doãn Sơn

Sáng chế đề cập đến thiết bị rang cà phê có kết cấu đơn giản, có chi phí sản xuất thấp hơn so với thiết bị ngoại nhập nhưng vẫn đảm bảo chất lượng hạt sau khi rang. Thiết bị rang cà phê theo sáng chế bao gồm các bộ phận: chân đế, bét đốt, vỏ máy, thân máy trước, thân máy sau, thùng quay, máng nạp liệu, bộ giảm áp, cụm silô lọc bụi, hệ dẫn động thùng quay, hệ dẫn động quạt hút, quạt hút được lắp trong kết cấu bao gồm năm cụm chính: cụm thân máy trước, cụm thân máy sau, cụm thùng quay, cụm vỏ máy, cụm silô lọc bụi.



*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*  
[Trở về đầu trang](#)

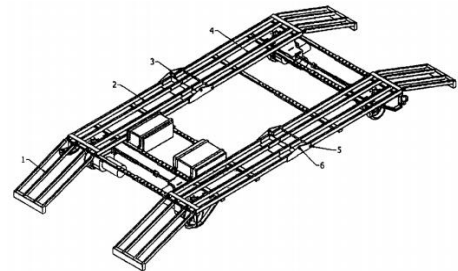
\*\*\*\*\*

### 1-0015351 Robot di chuyển ô tô

*Tác giả:* Nguyễn Quang Huy

Sáng chế đề cập đến robot di chuyển ô tô bao gồm: khung đỡ có thể gấp đôi được theo chiều dọc và khung này có thể thay đổi được chiều rộng; các bánh xe tự lựa để đỡ robot khi khung đỡ được gấp; các cầu dẫn lắp ở hai đầu khung đỡ để ô tô có thể đi lên hoặc đi xuống khỏi robot, các cầu dẫn này có thể cất gọn vào hoặc kéo ra từ khung đỡ; bốn cụm dẫn động được bố trí theo cặp với một cặp ở phần đầu trước và một cặp ở phần đầu sau của khung đỡ, mỗi cụm dẫn động có động cơ chính và bánh xe có thể quay để tạo ra chuyển động tiến hoặc lùi cho robot và bánh xe này có thể được xoay quanh đường tâm thẳng đứng đi qua tâm bánh xe; hai cụm động cơ lái bố trí tương ứng với hai cặp cụm dẫn

động để dẫn động xoay bánh xe tạo ra chuyển động quay cho robot; hệ thống điều khiển điện để điều khiển các động cơ chính và các động cơ lái để tạo ra các chuyển động tiến, lùi và quay cho robot, robot có thể được điều khiển bằng tay hoặc điều khiển để tự vận hành thông qua bộ điều khiển từ xa.



*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*  
[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

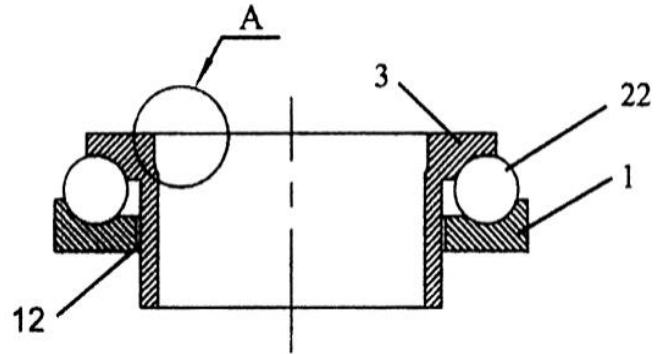


## 1-0015370 Vòng bi cổ phuộc

*Tác giả:* Nguyễn Vĩnh Sơn

Sáng chế đề xuất vòng bi cổ phuộc trên của cơ cấu lái của phương tiện giao thông có cấu tạo bao gồm bát bi (1) hình vành khuyên, có rãnh đỡ bi (11) lõm tròn để đỡ các bi (22) sao cho các bi (22) có thể lăn tự do dọc theo rãnh đỡ bi (11); các bi (22) được xếp vào rãnh đỡ bi (11) của bát bi (1); và nắp chắn bi (3) hình vành khuyên, có rãnh chặn bi (31) lõm tròn để chặn các bi (22), đặc trưng ở chỗ, nắp chắn bi (3) có ống (32) nhô ra và kéo dài xuống phía dưới và được lồng vào bát bi (1) sao cho giữa ống (32) và mặt trong của bát bi (1) có một khe hở (12) vừa đủ để bát bi (1) có thể quay đồng trục tương đối so với nắp chắn bi (3) một cách tự do và khoảng 1/3 ống (32) tính từ miệng nắp chắn bi (3) xuống có đường kính trong miệng

(D33) được mở rộng hơn so với khoảng 2/3 phần còn lại của ống (32) có đường kính trong (D34). Nhờ cấu tạo đặc biệt này của vòng bi cổ phuộc trên mà có thể kéo dài đáng kể được tuổi thọ của cả vòng bi cổ phuộc trên và vòng bi cổ phuộc dưới.



*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*



## 1-0015371 Quy trình sản xuất điện cực dương của pin chì dự trữ năng lượng cao

*Tác giả:* Doãn Anh Tú, Ngô Thị Lan, Đinh Thị Mai Thanh

Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất điện cực dương của pin chì dự trữ năng lượng cao. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất điện cực dương của pin chì dự trữ năng lượng cao nhờ sử dụng hệ điện hóa  $Pb[H_2SiF_6]PbO_2$ . Quy trình này bao gồm các bước:

- (i) dập các tấm thép thành các điện cực;
- (ii) tẩy sạch dầu các điện cực nêu trên;

(iii) oxy hóa điện hóa điện cực nhằm tạo ra lớp màng  $Fe_3O_4$  trung gian trên bề mặt; và

(iv) kết tủa điện hóa để tạo ra lớp  $\beta$ - $PbO_2$  trên điện cực thép có lớp màng  $Fe_3O_4$  trên bề mặt nêu trên, nhờ đó tạo ra điện cực dương của pin chì dự trữ năng lượng cao.

*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

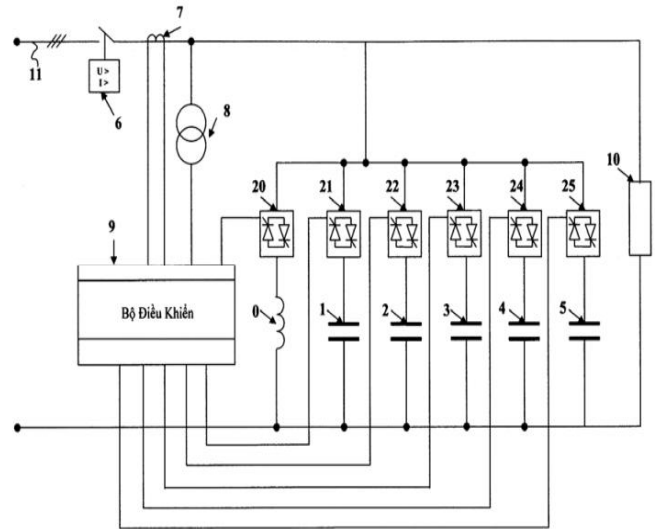
\*\*\*\*\*

**1-0015397 Thiết bị bù lại**

*Tác giả:* Đinh Ngọc Quang

Sáng chế đề xuất thiết bị bù lại, thiết bị này bao gồm: các tụ điện (1, 2, 3, 4, 5) có công suất bằng nhau mắc song song, mỗi tụ điện này được điều khiển đóng cắt bằng các cặp gồm hai tyristo song song ngược chiều (21, 22, 23, 24, 25) nhằm thực hiện chức năng điều khiển theo hai hướng; cuộn kháng (0) cũng có công suất bằng công suất (X1) của một tụ điện và được điều khiển góc mở bằng cặp tyristo (20) nhằm thay đổi công suất của thiết bị; bộ điều khiển (9) có chức năng thực hiện tính toán và điều chỉnh công suất của thiết bị bù lại khi công suất của phụ tải (10) thay đổi, bằng cách điều khiển để đóng hoặc mở các tụ điện theo bậc kết hợp với việc điều chỉnh góc mở của cuộn kháng, để đảm bảo cho thiết bị có thể bù trơn công suất phản

kháng khi cần điều chỉnh công suất phản kháng của thiết bị bù lại.



*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

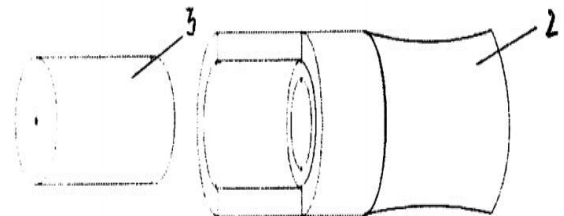
\*\*\*\*\*

**1-0015399 Phương pháp tạo đặc ruột cho tre và sản phẩm tre đặc ruột được sản xuất theo phương pháp này**

*Tác giả:* Phan Trọng Thích

Sáng chế đề cập đến phương pháp tạo đặc ruột cho tre bao gồm các bước cắt tre ra từng đoạn với chiều dài tùy ý gọi là phôi tre (phôi); đưa phôi lên máy tiện, dùng mũi khoét để khoét hết phần ruột lưa ở trong hai đầu cắt và kể cả phần trong của phần mắt tre của phôi tạo thành phôi đã khoét; phủ kín ruột phôi đã khoét gọi là tạo đặc ruột cho phôi. Trong đó, bước phủ kín ruột phôi đã khoét này bao gồm các công đoạn: chọn tre đặc ruột có đường kính lớn hơn đường kính ruột phôi đã khoét, cắt ra từng đoạn có chiều dài ít nhất

bằng chiều dài lỗ khoét của phôi nêu trên, đưa lên máy tiện sao cho vừa lọt khít ruột phôi đã khoét, phết keo lên bề mặt ngoài của các đoạn tre đã được tiện và bề mặt trong của phôi đã khoét nêu trên, và cho đoạn tre đã được tiện và phết keo này vào trong phôi đã khoét và phết keo để tạo ra tre đặc ruột.



\*\*\*\*\*

## **2-0001369 Quy trình tổng hợp metyl este của axit tetrahydrofuranoic**

*Tác giả:* Trần Bạch Dương, Mai Tuyên, Nguyễn Thị Hiền Anh, Nguyễn Quốc Đạt, Phạm Thị Thanh Hiếu, Hà Thu Thủy, Ngô Thị Hải Yến, Nguyễn Thanh Hằng

Giải pháp hữu ích đề cập đến quy trình tổng hợp metyl este của axit tetrahydrofuranoic bao gồm bước este hóa axit tetrahydrofuranoic bằng metanol với sự có mặt của chất xúc tác, khác biệt ở chỗ, quy trình này được thực hiện trên cột xúc tác Diaion HP 20. Quy trình này bao gồm các bước axit hóa cột xúc tác bằng dung dịch chứa H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> trong metanol đến

độ pH ≤ 1; este hóa axit tetrahydrofuranoic trên cột xúc tác này bằng cách bơm tuần hoàn dung dịch chứa axit tetrahydrofuranoic qua cột xúc tác cho đến khi phản ứng kết thúc bằng cách kiểm tra dung dịch ở đầu ra của cột xúc tác không còn axit tetrahydrofuranoic; đẩy toàn bộ dung dịch chứa sản phẩm thu được ra khỏi cột xúc tác bằng metanol để thu được sản phẩm metyl este của axit tetrahydrofuranoic.

Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số  
338/2016

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **2-0001370 Quy trình sản xuất bánh flan**

*Tác giả:* Nguyễn Thị Ánh Hồng

Giải pháp hữu ích đề cập đến quy trình sản xuất bánh flan bao gồm các bước: a) phối trộn nguyên liệu, b) rót nguyên liệu và ép màng; và c) làm chín bánh và khử trùng màng ép. Với tỷ lệ nguyên liệu thích

hợp và ép màng vào khuôn trước khi làm chín bánh, sản phẩm thu được mịn và có thời gian bảo quản kéo dài.

Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số  
338/2016

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **2-0001371 Phương pháp tổng hợp vật liệu nanouzeolit X từ cao lanh**

*Tác giả:* Tạ Ngọc Đôn, Hà Thị Lan Anh, Trịnh Xuân Bái

Giải pháp hữu ích đề cập đến phương pháp tổng hợp vật liệu nano-zeolit X từ cao lanh với thời gian kết tinh từ 6 đến 10 giờ, trong đó thủy tinh lỏng được

đưa vào cùng với sự có mặt của chất tạo cấu trúc hữu cơ, natri clorua và natri hydroxit nhằm xây dựng cấu trúc zeolit X và định hướng tạo ra tinh thể có kích thước nằm trong khoảng nanomet. Công đoạn kết tinh thủy nhiệt được tiến hành ở nhiệt độ 80 độ C, áp suất khí quyển, trong thời gian từ 6 đến 10 giờ. Sản phẩm nano-zeolit X

thu được có độ tinh thể đạt 90-93%, bề mặt riêng là 567 - 610 m<sup>2</sup>/g, độ bền nhiệt là 810-820°C, kích thước tinh thể nanourzeolit X nằm trong khoảng từ 28 đến 35nm.

*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **2-0001372 Phương pháp sản xuất huyền phù nước chứa silic oxit được biến tính bằng silan**

*Tác giả:* Đặng Việt Hưng, Bùi Chương, Phan Thị Minh Ngọc

Giải pháp hữu ích đề cập đến phương pháp sản xuất huyền phù nước chứa silic oxit được biến tính bằng silan bao gồm các bước:

i) nghiền sơ bộ hỗn hợp gồm bột silic oxit được biến tính bằng silan và nước;

ii) bổ sung chất hoạt động bề mặt không ion dạng lỏng vào hỗn hợp đã nghiền thu được ở bước i) để tạo ra hỗn hợp; và

iii) nghiền hỗn hợp thu được ở bước ii) để tạo ra huyền phù nước chứa silic oxit được biến tính bằng silan.

*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

## **2-0001373 Phương pháp lắp đặt hệ thống hút mùi hôi trực tiếp trong bồn vệ sinh**

*Tác giả:* Nguyễn Văn Trí

Giải pháp hữu ích đề xuất phương pháp lắp đặt thiết bị hút mùi vào bồn cầu đang sử dụng có lắp bộ cảm biến hồng ngoại để làm giảm triệt để mùi hôi ngay trong lúc đang đi vệ sinh, trong một thời gian ngắn nhất, tránh cho mùi hôi khuếch tán trong nhà vệ sinh, làm giảm lượng nước xả trong quá trình đi vệ sinh. Phương pháp lắp đặt thiết bị hút mùi vào bồn cầu đang sử dụng có lắp bộ cảm biến hồng

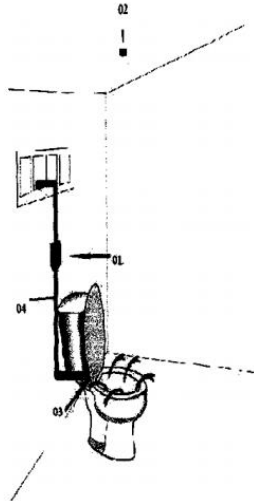
ngoại bao gồm các bước: khoan tạo lỗ nối thông từ phía sau bồn cầu đang sử dụng tới đoạn dẫn nước ra hai thành bồn; nối ống nối vào lỗ nối thông bằng keo dán tổng hợp; lắp quạt hút vào ống nối để khi quạt hút hoạt động, mùi hôi trong bồn cầu đang sử dụng sẽ được hút ra ngoài; lắp bộ cảm biến hồng ngoại ở vị trí tách rời với bồn cầu đang sử dụng sao cho khi bộ cảm biến hồng ngoại phát hiện có người đi vào vùng cảm ứng, bộ cảm biến hồng ngoại sẽ kích hoạt trạng thái hoạt động của quạt hút



để hút mùi hôi ra ngoài và tự động tắt quạt hút sau một khoảng thời gian định trước khi người sử dụng ra khỏi vùng cảm ứng.

Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016

[Trở về đầu trang](#)

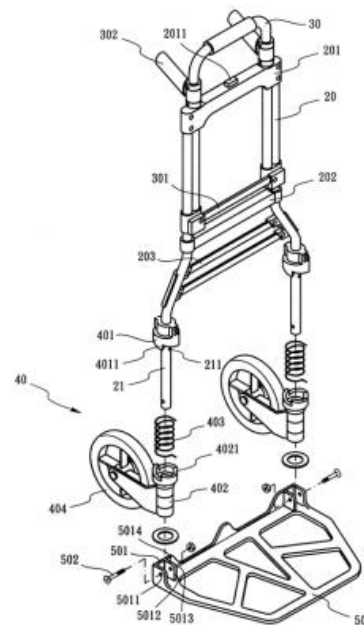


\*\*\*\*\*

## 2-0001374 Xe đẩy gấp được có cặp tay nắm để đẩy dễ dàng

Tác giả: Huỳnh Thị Ngọc Như

Giải pháp hữu ích đề cập đến xe đẩy gấp được có cặp tay nắm để đẩy dễ dàng bao gồm hai ống khung (20), thanh nối đỉnh (201) nối giữa hai ống khung (20) để gia cường cho kết cấu, ống đáy (21) được kéo dài từ mỗi ống khung (20), ống vịn tay (30) được tạo thành có dạng hình chữ U và được lắp trên hai đầu thanh nối đỉnh (201) phía trên các ống khung (20), hai tay nắm (302) được lắp vào ống vịn tay (30) phía trên thanh nối đỉnh (201), bộ lắp bánh xe (40) được lắp vào ống đáy (21), bộ lắp bánh xe (40) có thể quay được so với ống đáy (21), bánh xe (404) quay trên một bên của bộ lắp bánh xe (40), tấm đỡ (50) quay trên ống đáy (21). Do đó, người dùng có thể đẩy xe gấp được một cách dễ dàng nhờ các tay nắm (302).



Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

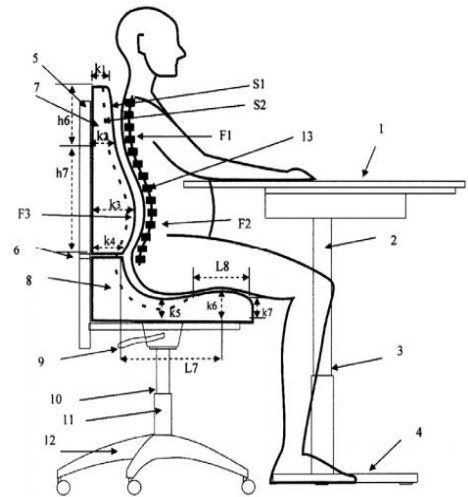


## 2-0001375 Bộ bàn ghế dùng để phòng ngừa và điều trị các bệnh cột sống

*Tác giả:* Phạm Thị Kim Loan

Giải pháp hữu ích đề cập đến bộ bàn ghế dùng để phòng ngừa và điều trị các bệnh cột sống bao gồm: ghế bao gồm lưng ghế và mặt ghế có kết cấu sao cho lưng ghế và mặt ghế lần lượt uốn lượn theo phương thẳng đứng và theo phương nằm ngang tạo ra các mặt cong uốn theo độ lõm và lồi tương ứng với cấu trúc của cột sống, xương cùng cụt và xương chậu của người sử dụng khi ngồi, có tác dụng giữ và điều chỉnh các xương cột sống ở vùng thắt lưng, xương cùng cụt và xương chậu theo cấu trúc xương bình thường của người khiến người sử dụng ngồi đúng tư thế; bàn bao gồm mặt bàn và chân bàn có cơ cấu điều chỉnh được độ cao của bàn, trong đó mặt bàn có cạnh được làm lõm vào tạo ra khe hở sao cho khi được sử dụng cùng với ghế nêu trên thì một phần thân người sử dụng lọt vào khe hở này khiến cho người sử dụng phải chống khuỷu tay lên bàn, do đó cột sống luôn

thẳng, và chân bàn có thể điều chỉnh nâng lên hạ xuống tùy theo chiều cao của người sử dụng cũng như chiều cao của ghế đi kèm, giúp cho người sử dụng không bị gù vẹo cột sống do chiều cao bàn làm việc không phù hợp.



*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*



## 2-0001376 Quy trình nuôi cấy mô tủy răng người để thu nhận tế bào gốc

*Tác giả:* Trần Lê Bảo Hà

Giải pháp hữu ích đề cập đến quy trình nuôi cấy mô tủy răng người để thu nhận tế bào gốc bao gồm các bước: (i) xử

lý sơ bộ mẫu răng; (ii) thu nhận mô tủy răng và (iii) nuôi cấy sơ cấp mô tủy răng.

*Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016*

[Trở về đầu trang](#)

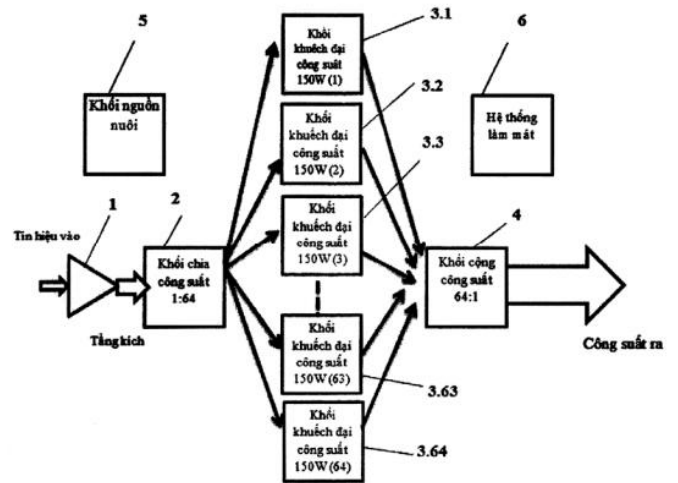
\*\*\*\*\*

## 2-0001377 Máy phát tín hiệu dải rộng dùng cho radar thế hệ mới

Tác giả: Bạch Gia Dương

Giải pháp hữu ích đề xuất cấu trúc máy phát tín hiệu dải rộng dùng cho các đài radar thế hệ mới công suất xung 9,6kW băng tần UHF bao gồm: tầng kích có tác dụng khuếch đại tín hiệu vào đủ lớn cho hoạt động của các khối khuếch đại công suất ở tầng sau; khối chia công suất 1 lối công suất vào, 64 lối công suất ra đồng pha, đồng biên độ; khối khuếch đại công suất 64 lối công suất vào, 64 lối công suất ra; khối cộng công suất 64 lối công suất vào, 64 lối công suất ra đủ để đạt công suất tổng cộng 9,6kW xung và khối nguồn nuôi của máy phát đ-ợc thiết kế theo phương pháp chia thành từng khối nguồn nuôi riêng biệt cho từng khối khuếch đại công suất phát thành phần 150W, băng tần UHF trong đó khối khuếch đại công suất thành phần 150W, băng tần UHF này có hai tầng khuếch đại, mỗi tầng khuếch đại bao gồm:

bóng khuếch đại công suất, mạch phối hợp trở kháng đầu vào và mạch phối hợp trở kháng đầu ra, mạch phân áp có nhiệm vụ cung cấp điện thế phân cực và lựa chọn chế độ làm việc cho khối khuếch đại.



Theo Công báo Sở hữu công nghiệp số 338/2016

[Trở về đầu trang](#)

\*\*\*\*\*

**C. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ****Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh****1. Nghiệm thu đề tài**

<b>TT</b>	<b>Ngày</b>	<b>Tên đề tài/Dự án</b>
1	06/06/2016	Lai tạo và chọn một số tổ hợp ngô nếp lai đơn thích hợp với các tỉnh miền Đông Nam Bộ.
2	08/06/2016	Tìm hiểu các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV và các rào cản ảnh hưởng đến việc tiếp cận dịch vụ dự phòng HIV của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại TP.HCM.
3	16/06/2016	Đánh giá sự biến đổi các chỉ tiêu y sinh của nam vận động viên cử tạ trẻ thành phố Hồ Chí Minh sau 1 chu kỳ tập luyện năm (2014-2015).
4	17/06/2016	Đánh giá của doanh nghiệp về môi trường đầu tư tại TP.HCM.
5	17/06/2016	Nghiên cứu điều chế và thử nghiệm tác dụng hạ đường huyết của cao dược liệu từ Râu mèo, Mướp đắng và Mắc cở.
6	17/06/2016	Tiêu chuẩn hóa cao chiết Lạc tiên tây ( <i>Passiflora incarnata</i> L.) và khảo sát tác động chống stress.
7	20/06/2016	Đánh giá sơ bộ chỉ số tổn thương xã hội do ngập úng với các kịch bản nước biển dâng do biến đổi khí hậu tại xã Tam Thôn Hiệp, Huyện Cần Giờ Tp. HCM.
8	21/06/2016	Hỗ trợ định danh các loài nấm thuộc chi <i>Cordyceps</i> và tương tự bằng kỹ thuật sinh học phân tử kết hợp tin sinh học.
9	23/06/2016	Đánh giá kết quả điều trị động mạch chi dưới bằng phương pháp chẩn đoán hình ảnh.
10	23/06/2016	Phẫu thuật cắt túi sa trực tràng bằng máy khâu bấm (Starr) và phục hồi bản nâng trong điều trị táo bón do sa trực tràng kiểu túi ở bệnh nhân nữ.
11	24/06/2016	Ứng dụng tổ hợp mô hình khí tượng, hải dương dự báo nước dâng do bão thời hạn ba ngày khu vực ven biển TP.HCM.
12	27/06/2016	Nghiên cứu phân lập, định danh và đánh giá khả năng sinh tổng hợp butanol của vi khuẩn <i>Clostridium</i> .

13	27/06/2016	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polymer nổi mạng có khả năng hồi phục vết nứt dưới tác động nhiệt trên cơ sở bis-maleimide và tris-furan.
14	28/06/2016	Nghiên cứu tách chiết các acid mật và bán tổng hợp ursodeoxycholic từ mật bò.
15	28/06/2016	Nghiên cứu bào chế và tiêu chuẩn hóa sản phẩm chứa tinh dầu chuẩn hóa lá Trà Không hỗ trợ điều trị bệnh tay chân miệng.
16	29/06/2016	Khảo sát thực trạng văn hóa an toàn người bệnh tại các bệnh viện trong thành phố Hồ Chí Minh.
17	29/06/2016	Ứng dụng tổ hợp mô hình khí tượng, hải dương dự báo nước dâng do bão thời hạn ba ngày khu vực ven biển TP.HCM.
18	29/06/2016	Tính sẵn sàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc hấp thụ tri thức để thích nghi với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Giám định đề tài

TT	Ngày	Tên đề tài/Dự án
1	06/06/2016	Ước lượng và trực quan hóa các thông số giao thông dựa trên hình ảnh.
2	06/06/2016	Nghiên cứu thiết kế hệ thống tính toán hiệu năng cao 50 - 100 Tflops.
3	10/06/2016	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo bộ nguồn cho đài radar P19 phục vụ huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.
4	30/06/2016	Vốn xã hội và sự thành công của lao động di cư đến thành phố Hồ Chí Minh.

[Trở về đầu trang](#)

## 3. Xét duyệt đề tài

TT	Ngày	Tên đề tài/Dự án
1	17/06/2016	Giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của không gian công cộng trong các khu dân cư đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

[Trở về đầu trang](#)

**II. Các đơn vị trong nước: Nghiệm thu đề tài/Dự án**

TT	Ngày	Tên đề tài/Dự án	Chủ nhiệm/CQ chủ trì
<b>Ngành Kinh tế</b>			
1	03/06/2016	Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ đá tại Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn.	TS.KTS Nguyễn Thu Hạnh -Sở Khoa học và Công nghệ Hà Giang
2	03/06/2016	Nghiên cứu, phân tích các yếu tố rủi ro cho các dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ.	ThS. Nguyễn Văn Hòa - Công ty Cp tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin
3	11/06/2016	Phát triển kinh tế hộ và kinh tế trang trại gắn với xóa đói giảm nghèo bền vững ở Tây Nguyên.	TS. Nguyễn Đức Đồng - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
4	13/06/2016	Hoàn thiện và triển khai mô hình sản xuất tinh gọn tại doanh nghiệp may thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.	Nguyễn Thị Thu Hương- Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
5	13/06/2016	Tái cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của vùng Đông bắc Việt Nam.	TS. Nguyễn Tiến Long - Trường Đại học Thái Nguyên
6	16/06/2016	Tăng trưởng kinh tế xanh: Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam.	TS. Trần Quang Phú - Viện Kinh tế
7	16/06/2016	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Thanh tra Kiểm toán nhà nước	ThS. Nguyễn Anh Phương; ThS. Nguyễn Thu Bảo- Trường đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán
8	21/06/2016	Sinh kế bền vững cho cư dân ven bờ vịnh Bắc Bộ: Thực trạng và giải pháp.	PGS-TS. Trần Thị Minh Ngọc - Học viện Chính trị khu vực I
9	21/06/2016	Xây dựng hình ảnh thương hiệu Đại học	ThS. Dương Thanh Hà -

		Thái Nguyên – Nghiên cứu điển hình tại trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.	Trường Đại học Thái Nguyên
10	30/06/2016	Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Hà Giang" cho sản phẩm cam sành của tỉnh Hà Giang.	PGS.TS Hồ Quang Đức - Viện Nghiên cứu Quy hoạch Nông nghiệp, Nông thôn
<b>Ngành Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật</b>			
11	31/05/2016	Dự án: Điều tra, khảo sát nhu cầu lao động nghề Kỹ thuật xây dựng.	ThS. Nguyễn Mạnh Trường - Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định
12	03/06/2016	Nghiên cứu thiết kế, xây dựng hệ thống quan trắc nước mỏ tự động cho các mỏ than hầm lò.	ThS. Lê Văn Hải.- Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin
13	03/06/2016	Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO ứng dụng trong mỏ hầm lò và lộ thiên.	ThS. Vũ Thế Nam - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin
14	03/06/2016	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ đào chống lò chuẩn bị theo hướng cơ giới hóa áp dụng cho các mỏ hầm lò vùng Quảng Ninh.	ThS. Phạm Chân Chính- Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin
15	08/06/2016	Xây dựng mô hình thử nghiệm sản xuất giống Hàu Thái Bình Dương ( <i>Crassostrea gigas</i> Thunberg, 1793) tại thành phố Vũng Tàu.	KS. Nguyễn Văn Mạnh - Phòng Kinh tế thành phố Vũng Tàu; KS. Phạm Minh Công - Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN
16	12/06/2016	Nghiên cứu khả năng ứng phó với thiên tai và đề xuất các giải pháp tổng thể nâng cao năng lực phòng tránh của cộng đồng dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên.	PGS-TS. Ngô Quang Sơn - Viện Dân tộc học, Ủy ban Dân tộc
17	14/06/2016	Nghiên cứu biến đổi biên độ sóng địa chấn theo khoảng cách thu phát (AVO) nhằm xác định dấu hiệu tồn tại khí	PGS.TS Phan Thiên Hương - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

		hydrat ở vùng biển nước sâu (Tur Chính Vũng Mây).	
18	15/06/2016	Xây dựng quy trình sơ chế, đóng gói và bảo quản đối với các sản phẩm rau an toàn xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên.	ThS. Đinh Thị Bích Thúy - Trạm Bảo vệ thực vật Tp Long Xuyên
19	21/06/2016	Thử nghiệm phân viên nén NPK nhà chặm trên một số cây trồng (lúa, ngô, mía) tại tỉnh Tuyên Quang.	KS. Nguyễn Thị Kim - Trưởng phòng Kỹ thuật, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang
20	22/06/2016	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất vi nang chứa các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học sử dụng trong sản xuất thực phẩm.	ThS. Trần Hải Đăng - Trường Đại học Nha Trang
21	23/06/2016	Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học Syringomycin (SRE) và Rhamnolipid (RL) diệt nấm để bảo quản một số trái cây và hạt nông sản.	ThS. Nguyễn Ngọc Huyền - Viện Cơ điện nông nghiệp và sau thu hoạch
22	23/06/2016	Nghiên cứu sản xuất chủng khởi động và ứng dụng trong sản xuất sữa chua và phomat	ThS. Đặng Thu Hương - Viện Công nghệ thực phẩm
23	24/06/2016	Nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn TCVN: Kết cấu bê tông cốt sợi thép - tiêu chuẩn thiết kế.	TS. Lê Minh Long - Viện Khoa học công nghệ xây dựng
24	24/06/2016	Xây dựng quy trình và mô hình quản lý tổng hợp sâu đục trái bưởi ở tỉnh Vĩnh Long.	TS. Lê Quốc Điền - Viện Cây ăn quả miền Nam
25	24/06/2016	Hoàn thiện công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất rượu gạo truyền thống sản lượng 800.000 lít/ năm	TS. Nguyễn Việt Anh - Viện Công nghiệp thực phẩm
26	26/06/2016	Hoàn thiện thiết bị (nhà lưới mái che) và công nghệ sản xuất rau an toàn (cà chua, dưa vàng) bằng phương pháp trồng trên giá thể cho vùng Đông Bắc.	TS. Lê Sỹ Lợi - Trường Đại học Thái Nguyên



27	27/06/2016	Nghiên cứu sử dụng thân và lá tươi của một số giống cao lương ngọt làm thức ăn nuôi trâu, bò thịt.	PGS. TS. Nguyễn Hưng Quang - Trường Đại học Thái Nguyên
28	29/06/2016	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình quản lý cà chua tổng hợp (ICM) cho một số tỉnh trung du, miền núi phía Bắc.	TS. Nguyễn Thị Mão - Trường Đại học Thái Nguyên
<b>Ngành CNTT</b>			
29	07/06/2016	Xây dựng phần mềm hỗ trợ giáo vụ khoa Tin học Trường Đại học Bình Dương.	Nguyễn Hoàng Phong - Trường Đại học Bình Dương
30	07/06/2016	Xây dựng Website hỗ trợ lưu trữ và quản lý đề tài tốt nghiệp khoa Tin học Trường Đại học Bình Dương.	Mai Trung Thành - Trường Đại học Bình Dương
31	13/06/2016	Nghiên cứu xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới công tác dạy và học môn lịch sử việt nam trong chương trình giáo dục phổ thông.	TS. Nguyễn Văn Tảo - Trường Đại học Thái Nguyên
32	15/06/2016	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chăm sóc nguồn lực sinh viên trường ĐH Luật Tp. HCM.	ThS. Nguyễn Hữu Khoa - Trường ĐH Luật Tp. HCM
33	20/06/2016	Xây dựng CSDL GIS và Atlas điện tử tổng hợp vùng Tây Nguyên.	TS. Nguyễn Đình Kỳ - Viện Địa lý - Viện Hàn lâm KHCNVN
34	28/06/2016	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch tỉnh Hà Giang.	PGS.TS Trần Viết Khanh - Trường Đại học Thái Nguyên
<b>Ngành Y – Dược</b>			
35	08/06/2016	Nghiên cứu hiệu quả giảm đau sau mổ của gây tê vùng da đầu trong phẫu thuật ghép khuyết xương sọ.	ThS-BS. Nguyễn Thị Bích Hồng - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương

36	24/06/2016	Thực trạng công tác truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao hiệu quả mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe từ tuyến tỉnh đến tuyến xã tại tỉnh Tuyên Quang.	ThS. Đỗ Thị Ngọc Mai - Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe, Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang
<b>Ngành Giáo dục đào tạo</b>			
37	31/05/2016	Nghiên cứu biên soạn tập bài giảng học phần kết cấu bê tông cốt thép với mô hình bằng công nghệ 3D cho bậc Cao đẳng chuyên nghiệp ngành Xây dựng.	ThS. Phạm Đức Cường - Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định
38	31/05/2016	Nghiên cứu biên soạn tập bài giảng học phần Nền móng với mô hình bằng công nghệ 3D cho bậc Cao đẳng chuyên nghiệp ngành Xây dựng.	ThS. Vũ Quốc Lập - Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định
39	03/06/2016	Đánh giá nhu cầu và xác lập danh mục kỹ năng sống cần trang bị cho học sinh Trung học phổ thông theo các nhóm đối tượng đặc thù.	TS. Phí Thị Hiếu - Trường Đại học Thái Nguyên
40	03/06/2016	Biên soạn đề cương các bài giảng phân những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.	Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
41	03/06/2016	Xây dựng chương trình môn Việt Nam học có tính tích hợp cao dành cho học sinh là người Việt Nam và người nước ngoài theo học chương trình giáo dục phổ thông nước ngoài tại Việt Nam (từ lớp 4 đến lớp 12).	GS- TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến - Viện KHGDVN
42	16/06/2016	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trong các trường phổ thông dân tộc bán trú cấp tiểu học.	ThS. Nguyễn Thúy Mai - Viện KHGDVN
43	08/06/2016	Xây dựng mô hình giáo dục phát triển kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Hậu Giang.	TS. Hà Bích Liên - Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục

44	10/06/2016	Đề xuất mục tiêu, chuẩn kết quả, khung nội dung, định hướng hình thức tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập chương trình các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục đạo đức - giáo dục công dân ở tiểu học và THCS trong chương trình giáo dục phổ thông sau 2015.	TS. Lưu Thu Thủy - Viện KHGDVN
45	20/06/2016	Phát triển môi trường tiếng Anh ngoài lớp học nhằm đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên Đại học Thái Nguyên.	TS. Trần Thị Nhi - Trường Đại học Thái Nguyên
46	27/06/2016	Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực tự học cho sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.	TS. Trần Mạnh Hùng - Trường Đại học Bạc Liêu
<b>Ngành văn hóa xã hội</b>			
47	30/05/2016	Nghiên cứu hoạt động tác chiến của LLVT địa phương đánh địch ở tuyến mép nước trong tác chiến chống đổ bộ đường biển.	Trung tướng Lê Chiêm - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
48	01/06/2016	Bảo tồn di sản kiến trúc.	ThS.KTS Ninh Việt Anh; ThS.KTS Nguyễn Bích Hoàn; ThS.KTS Đặng Nhật Minh
49	03/06/2016	Văn hóa truyền thông đại chúng ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa.	PGS-TS. Đặng Thị Thu Hương – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội)
50	05/06/2016	Dư luận xã hội trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	TS. Đỗ Văn Quân - Trưởng Ban Xã hội học chính trị và quản lý, Viện Xã hội học
51	07/06/2016	Kiến toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ trong điều kiện tổ chức Bộ quản lý đa ngành đa lĩnh vực.	PGS-TS. Nguyễn Hữu Hải- Học viện Hành chính Quốc gia

52	08/06/2016	Thực trạng nguồn nhân lực ở tỉnh Nghệ An trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn
53	10/06/2016	Lịch sử Trung đoàn bộ binh 736 tỉnh Bình Phước (1981-2015).	Đại tá Vũ Tiến Điền - Chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước
54	14/06/2016	Lịch sử quản lý và khai thác biển đảo BR-VT từ đầu thế kỷ XX đến nay.	TS. Phạm Ngọc Trâm - Trường Đại học KHXH và NV TP. Hồ Chí Minh
55	15/06/2016	Bảo đảm quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.	PGS-TS. Nguyễn Thị Báo - Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
56	15/06/2016	Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các lễ hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2.	Bà Hồ Thị Thủy-Trung tâm KHXH&NV Nghệ An
57	16/06/2016	Đổi mới tổ chức và hình thức hoạt động của Chính phủ theo Hiến pháp năm 2013.	ThS. Trần Thị Thu Hà-Trường Đại học Luật TPHCM
58	17/06/2016	An ninh văn hóa trong điều kiện hiện nay.	PGS-TS. Nguyễn Duy Bắc -Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
59	20/06/2016	Hoàn thiện tiêu chí và phương pháp đánh giá công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.	ThS. Đoàn Nhân Đạo-Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức
60	22/06/2016	Bảo đảm và đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền ở Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh hội nhập quốc tế.	PGS-TS. Nguyễn Tất Giáp - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
61	22/06/2016	Hình thái tổng hợp thể loại trong phóng sự Việt Nam hiện nay.	PGS-TS. Hoàng Minh Lường - Học viện Báo chí và Tuyên Truyền

62	28/06/2016	Lịch sử lực lượng biệt động Quân khu 7 trong 30 năm chiến tranh giải phóng 1945 – 1975).	Thiếu tướng Võ Văn Cổ, Phó Tham mưu trưởng Quân khu 7
----	------------	------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------

[Trở về đầu trang](#)